

Số: **3961** /QĐ - UBND

Hà Nội, ngày **30** tháng **6** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Da - Giày thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND Thành phố quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1420/TTr-SNV ngày 07/6/2017 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ Hội Da - Giày thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Da - Giày thành phố Hà Nội đã được Đại hội Hội Da - Giày thành phố Hà Nội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Da - Giày thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Văn Sửu;
- Công an Thành phố;
- VP UBND TP: PCVP Phạm Chí Công, NC, TH; **CL**
- Lưu: VT.

20895 (12)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

ĐIỀU LỆ

Hội Da - Giày thành phố Hà Nội

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3961 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội:

Tên tiếng Việt: Hội Da - Giày thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích:

1. Hội Da - Giày thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động ở các lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ, dịch vụ ngành Da - Giày trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Mục đích của Hội nhằm tập hợp, đoàn kết các hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau về kinh tế - kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nâng cao giá trị sản phẩm; hợp tác trao đổi thông tin kinh nghiệm, phổ biến kiến thức, phát triển và xây dựng, quảng bá thương hiệu ngành Da - Giày nói riêng, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thành phố Hà Nội nói chung, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại: Số 39 Phủ Doãn, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi thành phố Hà Nội, trong ngành Da - Giày.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
10. Được xuất bản các ấn phẩm có liên quan đến hoạt động của Hội, phục vụ cho hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát

triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng.

3. Phổ biến, tập huấn hội viên về Điều lệ, quy chế, quy định của Hội, các văn bản liên quan đến hoạt động của Hội. Tổ chức các hoạt động phục vụ Hội viên như hội thảo, giao lưu, diễn đàn, giải trí và thư giãn; gắn kết các Hội viên thông qua các hoạt động, sinh hoạt của Hội, hưởng ứng các hoạt động chung của Hiệp Hội Da Giày Việt Nam vì sự phát triển của ngành và của từng thành viên theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Thực hiện vai trò Hội như một kênh thông tin đại diện cho các doanh nghiệp Da - Giày tham gia ý kiến, tư vấn vào thay đổi, cải cách các chính sách, luật pháp khi có yêu cầu cũng như phản ánh các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp với Thành phố, với các cơ quan, tổ chức khi cần thiết và được yêu cầu.

5. Kết nối các hội viên theo lĩnh vực ngành nghề nhằm hỗ trợ các hội viên chia sẻ kinh nghiệm, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, tạo cơ hội liên kết - liên doanh, sử dụng dịch vụ, sản phẩm của nhau, hoặc trợ giúp hội viên quảng bá, cung cấp thông tin về dịch vụ, sản phẩm ra thị trường theo đúng quy định của pháp luật.

6. Kết nối với các tổ chức trong nước để trợ giúp hội viên thực hiện xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, xúc tiến đầu tư, nghiên cứu thị trường, trưng bày sản phẩm, tham gia hội chợ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

7. Liên kết với các hiệp hội, tổ chức để thực hiện trao đổi và cung cấp thông tin về các chế độ chính sách của Nhà nước, của địa phương, các vấn đề về thị trường kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các hội viên.

8. Thực hiện liên kết, hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để tổ chức các khóa đào tạo cho hội viên và doanh nghiệp của hội viên nhằm trợ giúp các hội viên, doanh nghiệp của các hội viên nâng cao năng lực quản trị công ty, tiếp cận thị trường mới, tăng cường năng lực bán sản phẩm, dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

10. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

11. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

12. Hàng năm, Hội thực hiện chế độ báo cáo về tình hình tổ chức, kết quả hoạt động của Hội đối với Sở Nội vụ, Sở Công thương và các sở, ban, ngành có liên quan; đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định đồng thời công khai trong Hội.

13. Thực hiện theo đúng quy định Nhà nước về lập, lưu giữ và quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội. Hội phải lập hồ sơ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của hội

danh sách hội viên, chi hội và các đơn vị thuộc hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, các tài liệu liên quan đến hoạt động của hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo hội.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: Hội viên chính thức, hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên:

a) Hội viên chính thức: Các cá nhân, tổ chức Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động ở các lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ, dịch vụ ngành Da - Giày trên địa bàn thành phố Hà Nội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Hội xem xét kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, có công đóng góp với Hội được Hội tôn vinh là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các Nghị quyết, Quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thẻ thức vào, ra Hội; thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên

1. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành hội viên của Hội, gửi đơn xin gia nhập Hội tới Ban Chấp hành xem xét, kết nạp hội viên. Việc kết nạp hội viên do Ban chấp hành Hội xem xét quyết định sau khi có sự đề nghị của Chi hội và được thực hiện tại Chi hội đó.
2. Tổ chức, cá nhân xét thấy không muốn tiếp tục là hội viên của Hội, có đơn xin ra khỏi Hội, gửi Ban Chấp hành xem xét, xóa tên khỏi danh sách hội viên.
3. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản, uy tín của Hội và các hội viên khác, Ban Chấp hành xem xét quyết định xóa tên khỏi danh sách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội (Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu).
2. Ban Chấp hành (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, các ủy viên Ban Chấp hành).
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra Hội.
5. Ban Cố vấn.
6. Văn phòng và các ban chuyên môn.
7. Các pháp nhân, tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội
 - a) Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu

tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

b) Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hội hoặc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên và giải thể Hội (nếu có);

c) Thông qua báo cáo thu chi tài chính nhiệm kỳ qua; kế hoạch thu chi tài chính nhiệm kỳ mới và quyết định mức thu hội phí;

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

e) Thông qua Nghị quyết của Đại hội;

g) Thảo luận và quyết định các vấn đề cần thiết khác.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu

bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Tôn vinh Chủ tịch danh dự.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp ít nhất 3 tháng 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

d) Thay mặt cho Hội trong mối quan hệ giao dịch với chính quyền, các cơ quan Nhà nước, các Hội doanh nghiệp.

f) Quyết định thành lập các Ban chuyên môn, các tổ chức cơ sở thuộc Hội, các nhóm Hội viên theo lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề, theo quy định của pháp luật; Quyết định các kế hoạch công tác, chương trình hoạt động của các Ban chuyên môn, đơn vị và tổ chức trực thuộc Hội;

g) Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành;

h) Quyết định kết nạp, chấm dứt tư cách Hội viên;

i) Quyết định các vấn đề khen thưởng, kỷ luật;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Định kỳ 2 tháng họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban do Ban Kiểm tra bầu trong số các Ủy viên Ban Kiểm tra được Đại hội bầu.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Kiểm tra giám sát việc thi hành Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực ban Chấp hành;

b) Kiểm tra giám sát thu chi tài chính của Hội hàng năm tại Đại hội, báo cáo cho Hội viên hàng năm;

c) Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội;

d) Kiểm tra hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh;

e) Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại của Hội viên đối với tập thể, cá nhân của Hội, liên quan đến Hội, báo cáo Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Ban Cố vấn Hội

1. Ban Cố vấn gồm những cá nhân xuất sắc, có nhiều đóng góp cho xã hội và có tầm ảnh hưởng lớn được Ban Thường trực mời tham gia hỗ trợ, tư vấn cho Hội.

2. Thành viên Ban Cố vấn được mời tham gia các phiên họp Ban Thường trực, Ban Chấp hành, được quyền tham gia ý kiến, tư vấn như các thành viên Ban Chấp hành, ban Thường trực, nhưng không được tham gia biểu quyết.

3. Ban Chấp hành quy định chế độ đãi ngộ với thành viên Ban Cố vấn.

Điều 18. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố, Sở Công thương, trước Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Thường trực Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;

e) Chủ tịch Hội quyết định việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký.

g) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 19. Phó Chủ tịch Hội

Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

b) Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ (nếu có), khai trừ ra khỏi Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Da - Giấy thành phố Hà Nội, mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 2/3 tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội gồm 08 Chương 26 Điều, đã được thông qua tại Đại hội đại biểu của Hội Da - Giấy thành phố Hà Nội nhiệm kỳ IV (2017 - 2022) nhất trí thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu